

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 20/2019/NQ-HĐND

Lai Châu, ngày 23 tháng 7 năm 2019

SỐ TƯ PHÁP TỈNH LAI CHÂU	
CÔNG	Số:..... <u>2068</u>
VĂN	Ngày:..... <u>06/8/19</u>
ĐẾN	Chuyển:..... <u>Sửa đổi</u>

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi một số nội dung của Nghị quyết số 61/2016/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 của HĐND tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, nguồn vốn ngân sách địa phương

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU
KHOÁ XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Xét Tờ trình số 1265/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 61/2016/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, nguồn vốn ngân sách địa phương; Báo cáo thẩm tra số 282/BC-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi khoản 2, Điều 1 Nghị quyết số 61/2016/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 của HĐND tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, nguồn vốn ngân sách địa phương, như sau:

“2. Tổng nguồn vốn và phương án phân bổ

Tổng vốn Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, nguồn ngân sách địa phương 3.482.000 triệu đồng, trong đó: Dự phòng 307.277 triệu đồng; Tổng số vốn phân bổ chi tiết 3.174.723 triệu đồng, cụ thể:

a) Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức quy định tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg 2.541.033 triệu đồng.

- Trả nợ vay tín dụng ưu đãi, giảm chi để tạo nguồn trả nợ gốc 124.320 triệu đồng.

- Phân bổ cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo 457.910 triệu đồng.

- Phân bổ cho lĩnh vực khoa học công nghệ 87.808 triệu đồng.

- Cân đối ngân sách huyện, thành phố 581.025 triệu đồng.

- Thực hiện các dự án ngân sách tỉnh quản lý 1.289.970 triệu đồng.

b) Vốn thu xổ số kiến thiết 125.000 triệu đồng.

c) Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất 508.690 triệu đồng.

(Có Phụ lục I, II kèm theo)”

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

Trong quá trình điều hành, triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh huy động, bổ sung thêm các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai thực hiện các dự án. Hàng năm trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất, khả năng thu tiền sử dụng đất trên địa bàn các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp và giao chi tiết cho các huyện, thành phố thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười thông qua ngày 23 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 02 tháng 8 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Vũ Văn Hoàn

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH
ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020**

(Kèm theo Nghị quyết số: **20** /2019/NQ-HĐND ngày **23** /7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2016-2020	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			
			Tổng số	Trong đó NSDP		
	TỔNG SỐ (A+B+C)				3.174.723	
A	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức quy định tại quyết định số 40/2015/QĐ-TTg				2.541.033	
I	Trả nợ vay tín dụng ưu đãi, giảm chi để tạo nguồn trả nợ gốc				124.320	
II	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo				457.910	
(1)	<i>Các dự án đã phê duyệt QT</i>				20.000	
(2)	<i>Các dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020</i>				105.983	
1	Trường Tiểu học trung tâm xã Trung Chải	1112/21.10.13	10.000	10.000	764	
2	Trường mầm non trung tâm xã Trung Chải	1364/28.10.14	13.500	13.500	7.606	
3	Trường THCS xã Tá Bạ huyện Mường Tè	1366/28.10.14	13.280	13.280	7.304	
4	Nhà lớp học trường THPT Quyết Thắng, thị xã Lai Châu	1182/24.10.13	7.500	1.726	1.420	
5	Nhà lớp học bộ môn trường THPT Phong Thổ, huyện Phong Thổ	1180/24.10.13	2.850	799	459	
6	Nhà lớp học trường THPT Nậm Tăm, huyện Sìn Hồ	1181/24.10.13	5.600	1.527	1.015	
7	Trường THCS xã Vàng San	1113/21.10.13	14.000	14.000	3.600	
8	Trường tiểu học xã Khun Há, huyện Tam Đường	1319a/24.10.14	14.250	14.250	3.058	
9	Nhà lớp học bộ môn trường THCS thị trấn Mường Tè	1377/29.10.14	6.000	3.900	3.510	
10	Trường mầm non Quyết Thắng 2 (Giai đoạn II), thành phố Lai Châu	1365/28.10.14	9.500	9.500	6.064	
11	Trường dạy nghề giai đoạn III	605/19.5.10 749/19.7.12 642/07.6.16	30.000	3.808	3.808	
12	Trường THCS xã Nậm Pì huyện Nậm Nhùn	1363/28.10.14	17.000	17.000	9.350	
13	Trường mầm non trung tâm xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường	1367/28.10.14	13.400	13.400	7.839	
14	Trường chuyên Lê Quý Đôn	1409/30.10.14	285.000	30.400	30.000	
15	Nhà ở dành cho học sinh người đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lai Châu	1129/17.9.14	72.000	12.000	10.000	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2016-2020	Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			
			Tổng số			Trong đó NSDP
16	Nhà lớp học bộ môn, các hạng mục phụ trợ Trường PTDTNT huyện Than Uyên	1340/27.10.14	9.200		4.406	
17	Nhà lớp học bộ môn, các hạng mục phụ trợ Trường PTDTNT huyện Phong Thổ	1361/28.10.14	12.200		5.780	
(3)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020				331.927	
a	Các dự án khởi công mới năm 2016				68.097	
1	Trường THCS thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên	37/30.3.2016	19.000	19.000	17.100	
2	Trường mầm non Hoa Hồng thành phố Lai Châu	34/30.3.2016	17.800	17.800	16.020	
3	Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Trung Chải	41/30,3,2016	17.000	17.000	15.300	
4	Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Khun Há	38/30.3.2016	13.800	13.800	13.579	
5	Nhà lớp học bộ môn trường PTDTNT huyện Sìn Hồ	19/22.3.2016	7.500	7.500	6.098	
b	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2017-2020				263.830	
III	Lĩnh vực Khoa học - Công nghệ				87.808	
(1)	Các dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020				20.750	
	Nâng cao năng lực của Trung tâm Ứng dụng và chuyển giao công nghệ tỉnh Lai Châu	1301/30.10.13	39.500	39.500	20.750	
(2)	Các dự án khởi công mới 2016-2020				67.058	
a	Các dự án khởi công mới năm 2016				35.738	
1	Phát triển thị trường công nghệ tỉnh Lai Châu	28/30.3.2016	2.533	2.533	2.438	
2	Mua sắm thiết bị nâng cao năng lực của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lai Châu	29/30.3.2016	37.000	37.000	33.300	
b	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2017-2020				31.320	
IV	Cân đối ngân sách huyện, thành phố		-		581.025	
1	TP. Lai Châu				71.650	
2	Huyện Tam Đường				56.597	
3	Huyện Phong Thổ				86.100	
4	Huyện Sìn Hồ				89.111	
5	Huyện Mường Tè				78.272	
6	Huyện Than Uyên				83.089	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2016-2020	Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			
			Tổng số			Trong đó NSDP
7	Huyện Tân Uyên			54.189		
8	Huyện Nậm Nhùn			62.017		
V	Các dự án khác do tỉnh quản lý			1.289.970		
(1)	Các dự án đã phê duyệt QT			68.880		
(2)	Các dự án hoàn thành trước 31/12/2015 và chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020			427.830		
(2.1)	Các dự án sử dụng nguồn NSDP			160.968		
a	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2015			19.612		
1	Đường đến trung tâm xã Nậm Ban	1707/30.12.11	54.000	8.524		
2	Trụ sở làm việc tòa soạn Báo Lai Châu	668/20.6.12	15.510	648		
3	San gạt mặt bằng và HTKT khu 2B mở rộng thị xã Lai Châu	1266/25.10.12	15.000	1.182		
4	Đường Co Cóc - Nậm Tăm	1765/03.11.09; 1833/31.12.10	33.606	2.674		
5	Nâng cấp và mở rộng Trung tâm đón tiếp thân nhân liệt sỹ và điều dưỡng người có công với cách mạng tỉnh Lai Châu	934/19.8.14	7.000	2.000	1.584	
6	Đường từ thị trấn Mường Tè đến Nậm Nhọ	689/16.6.11	149.000	5.000		
b	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành giai đoạn 2016-2020			141.356		
1	Đường Thèn Thầu xã Khun Há - Nậm Cung xã Mường Khoa	1393/29.10.14	35.100	35.100	19.305	
2	Đường giao thông nông thôn từ Km43 Mường Mô đến Nậm Chà xã Mường Mô		300.000	300.000	102.151	
3	Nâng cấp, cải tạo đường Đào San - Sì Lờ Lầu (phân đoạn Sì Lờ Lầu - Mồ Sì San)	293/20/3/06; 1376/28.10.10	301.400	145.963	13.000	
4	Kiên cố hóa kênh mương cánh đồng Bình Lư và cánh đồng Nà Tăm huyện Tam Đường	1279/25.10.12	86.000	86.000	3.150	
5	Đường nối từ đường Thân Thuộc - Nậm Cần - Nậm Sỏ - Noong Hèo đến đường Noong Hèo - Nậm Coóng - Nậm Cuối, huyện Sìn hồ	988/21/8/2014	14.990	14.990	3.750	
(2.2)	Đối ứng các dự án ODA			47.696		
a	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2015			5.946		
1	Đường trung tâm xã Bản Giang đến xã Nùng Nàng	178/17.02.12; 612/23.6.2015	41.187	6.015	4.276	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2016-2020	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			
			Tổng số	Trong đó NSDP		
2	Nâng cấp, cải tạo đường Thèn Sin - Mường So	1870/12.11.09; 792/16.2.11; 1361/1.11.12; 268/02.4.2015; 1513/17.12.2015	83.267		1.670	
<i>b</i>	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành giai đoạn 2016-2020</i>				<i>41.750</i>	
1	Dự án phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn bền vững các tỉnh miền núi phía Bắc	1029/19.5.11	203.565	25.547	10.374	
2	Dự án giảm nghèo các tỉnh miền núi phía Bắc giai đoạn 2 - Khoản vay bổ sung (2015-2018) tỉnh Lai Châu	1772/30.12.14	269.139	2.124	4.724	
3	Trồng rừng và bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn và kết hợp xây dựng CSHT đồng bộ phòng chống lũ, sạt lở đất gia tăng trong bối cảnh biến đổi khí hậu, bảo vệ dân cư một số khu vực trọng điểm huyện Sìn Hồ	869/12.8.15	200.000	23.681	23.681	
4	Trạm y tế xã Bản Lang huyện Phong Thổ	482/18.5.15	4.950	950	855	
5	Hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện đa khoa tỉnh Lai Châu	1613/31.12.15	13.000	1.311	1.311	
6	Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện- Bệnh viện đa khoa TTYT huyện Than Uyên	955/31.8.2018	9.095	805	805	
(2.3)	Các dự án đối ứng NSTW				46.640	
<i>a</i>	<i>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2015</i>				<i>22.398</i>	
1	Biểu tượng văn hóa Lai Châu	1323/30.10.13; 570/30.5.14	25.500	8.500	677	
2	Cấp nước thị xã Lai Châu	1003/18.7.08; 713/14.6.09; 1173/16.10.11 862/09.8.13; 488/21.5.14	130.000	39.127	4.795	
3	Hạ tầng giao thông khu du lịch thị trấn Sìn Hồ	1251/25.10.12; 323/07.4.14	36.000	19.441	1.951	
4	Đường du lịch Vàng Pheo - Nà Cùn, xã Mường So - Phong Thổ	1356/31.10.13	14.980	5.922	2.160	
5	San gạt mặt bằng khu trung tâm hành chính huyện Tân Uyên	843/30.6.10; 1258/6.9.10; 403/1.4.11	159.104	9.294	2.294	
6	San gạt mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư số 3 (lô 2, 3)	1405/29.10.10; 1770/27.12.14	46.171	10.571	10.521	
<i>b</i>	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành giai đoạn 2016-2020</i>				<i>24.242</i>	
1	Trung tâm lưu trữ tỉnh	1281/25.10.12	56.326	16.898	5.232	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2016-2020	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			
			Tổng số	Trong đó NSDP		
2	Nâng cấp, sửa chữa Phòng khám đa khoa khu vực Mường So, huyện Phong Thổ	1351/28.10.14	8.000	3.342	3.233	
3	Sửa chữa, nâng cấp phòng khám đa khoa khu vực Pa Tần, huyện Sìn Hồ	1353/28.10.14	3.130	1.024	922	
4	Phòng khám đa khoa khu vực Ka Lăng, huyện Mường Tè	1352/28.10.14	11.000	4.871	4.871	
5	Hạ tầng kỹ thuật, đường đến khu sinh thái và quần thể hang động Pu Sam Cáp	1423/30.10.14	11.000	4.427	3.984	
6	Trụ sở hợp khối các cơ quan sự nghiệp tỉnh	1276/25.10.12	170.000	34.000	6.000	
(2.4)	Các dự án chuyển từ chương trình hỗ trợ có mục tiêu từ NSTW sang sử dụng nguồn NSDP				172.526	
<i>a</i>	<i>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2015</i>				8.745	
1	Bố trí dân cư tập trung sát biên giới điểm Hà Kho, xã Ka Lăng, huyện Mường Tè	1374/31.10.13	18.000	3.115	2.000	
2	Bố trí sắp xếp dân cư Bản Thu Lũm 2 xã Thu Lũm	1375/31.10.13	15.000	1.728	1.728	
3	Trụ sở Trung tâm tư vấn và kiểm định chất lượng công trình.	1359.31.10.13; 485/19.5.15	12.735	5.017	5.017	
<i>b</i>	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành giai đoạn 2016-2020</i>				163.781	
1	Bố trí dân cư tập trung sát biên giới Việt - Trung, điểm Lồng Thàng (<i>Nậm Tần Mông II</i>), xã Pa Tần, huyện Sìn Hồ	1372/31.10.13	32.000	13.000	12.150	
2	Bố trí dân cư tập trung sát biên giới điểm Hua Pàng mới, điểm Nậm Chê xã Nậm Ban, huyện Nậm Nhùn	1373/31.10.13	34.000	13.249	10.041	
3	Rà phá bom mìn, vật nổ các xã biên giới thực hiện bố trí dân cư tỉnh Lai Châu	500/22.5.14; 1227/26.9.16	8.200	8.200	2.700	
4	Bố trí sắp xếp dân cư bản Phu Xùy xã Hua Bum	1355/28.10.14	23.500	16.100	13.990	
5	Đường giao thông đến bản Nhóm Phố xã Tá Bạ	1395/29.10.14	66.500	53.200	46.550	
6	Sắp xếp ổn định dân cư xã biên giới bản Mù Su - Mù Cỏ	1354/28.10.14	27.000	19.510	17.019	
7	Đường giao thông đến bản Là Pê 1, 2	1188/24.10.13	55.000	34.603	19.000	
8	Đường giao thông đến bản Nậm Tần Xá	1396/29.10.14	31.400	20.400	17.260	
9	Đường giao thông đến điểm ĐCĐC Nậm Kha Á (Tia Sùng Cỏi) xã Tà Tổng	1332/27.10.14	35.000	20.229	11.271	

Viết

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2016-2020	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			
			Tổng số	Trong đó NSDP		
10	Đường giao thông Cao Chải đến điểm ĐCĐC Tia Ma Mù xã Tả Tổng	1330/27.10.14	32.000	17.000	13.800	
(3)	<i>Các dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020</i>				793.260	
a	<i>Các dự án khởi công mới năm 2016</i>				22.595	
1	Cấp NSH bản Nà Sài, bản Hà Giang, bản Nà Bỏ xã Bản Giang huyện Tam Đường	1160/12.10.2015	3.250	3.250	3.185	
2	Trụ sở xã Tá Bạ, huyện Mường Tè	30/30.3.2016	7.800	7.800	6.360	
3	Kè suối Nậm Bắc, thị trấn Nậm Nhùn	42/30.3.2016	14.500	14.500	13.050	
b	<i>Các dự án khởi công giai đoạn 2017-2020</i>				770.665	
B	Thu xổ số kiến thiết				125.000	
I	Thành phố Lai Châu				14.500	
(1)	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành giai đoạn 2016-2020</i>				3.104	
1	Trạm y tế phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu	1411/30.10.14	5.400	5.400	1.000	
2	Trạm y tế phường Đông Phong	1437/31.10.14	6.000	6.000	2.104	
(2)	<i>Các dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020</i>				11.396	
a	<i>Các dự án khởi công mới năm 2016</i>					
b	<i>Các dự án khởi công giai đoạn 2017-2020</i>				11.396	
II	Huyện Tam Đường				15.000	
(1)	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành giai đoạn 2016-2020</i>				1.448	
1	Trạm y tế xã Tả Lèng, huyện Tam Đường	1337/27.10.14	5.400	5.400	1.448	
(2)	<i>Các dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020</i>				13.552	
a	<i>Các dự án khởi công mới năm 2016</i>				3.317	
1	Trạm y tế xã Giang Ma, huyện Tam Đường	40/30.3.2016	5.000	5.000	3.317	
b	<i>Các dự án khởi công giai đoạn 2017-2020</i>				10.235	
III	Huyện Phong Thổ				15.000	
(1)	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành giai đoạn 2016-2020</i>					
(2)	<i>Các dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020</i>				15.000	
a	<i>Các dự án khởi công mới năm 2016</i>				6.000	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2016-2020	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			
			Tổng số	Trong đó NSDP		
1	Trường Mầm non xã Lân Nhi Thành, huyện Phong Thổ	33/30.3.2016	8.500	8.500	6.000	
<i>b</i>	<i>Các dự án khởi công giai đoạn 2017- 2020</i>				<i>9.000</i>	
IV	Huyện Sin Hồ				13.800	
<i>(1)</i>	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành giai đoạn 2016-2020</i>				<i>3.000</i>	
1	Trạm y tế xã Chăn Nưa	1438/31.10.14	5.400	5.400	3.000	
<i>(2)</i>	<i>Các dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020</i>				<i>10.800</i>	
<i>a</i>	<i>Các dự án khởi công mới năm 2016</i>					
<i>b</i>	<i>Các dự án khởi công giai đoạn 2017- 2020</i>				<i>10.800</i>	
V	Huyện Mường Tè				15.000	
<i>(1)</i>	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành giai đoạn 2016-2020</i>					
<i>(2)</i>	<i>Các dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020</i>				<i>15.000</i>	
<i>a</i>	<i>Các dự án khởi công mới năm 2016</i>				<i>3.000</i>	
1	Trạm y tế thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè	33/30.3.2016	5.000	5.000	3.000	
<i>b</i>	<i>Các dự án khởi công giai đoạn 2017- 2020</i>				<i>12.000</i>	
VI	Huyện Than Uyên				15.000	
<i>(1)</i>	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành giai đoạn 2016-2020</i>					
<i>(2)</i>	<i>Các dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020</i>				<i>15.000</i>	
<i>a</i>	<i>Các dự án khởi công mới năm 2016</i>				<i>3.540</i>	
1	Trường tiểu học số 1 Mường Kim (điểm trung tâm), huyện Than Uyên	32/30.3.2016	5.800	5.800	3.540	
<i>b</i>	<i>Các dự án khởi công giai đoạn 2017- 2020</i>				<i>11.460</i>	
VII	Huyện Tân Uyên				15.000	
<i>(1)</i>	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành giai đoạn 2016-2020</i>				<i>1.088</i>	
1	Trường MN số 2 thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên	1336/27.10.14	4.500	4.500	1.088	
<i>(2)</i>	<i>Các dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020</i>				<i>13.912</i>	
<i>a</i>	<i>Các dự án khởi công mới năm 2016</i>				<i>7.912</i>	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2016-2020	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			
			Tổng số	Trong đó NSDP		
1	Trường Mầm non số 1 thị trấn Tân Uyên	36/30.3.2016	14.000	14.000	7.912	
<i>b</i>	<i>Các dự án khởi công giai đoạn 2017-2020</i>				<i>6.000</i>	
VIII	Huyện Nậm Nhùn				14.500	
<i>(1)</i>	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành giai đoạn 2016-2020</i>				<i>6.000</i>	
1	Trạm y tế xã Trung Chải	1434/31.10.14	6.500	6.500	1.250	
2	Trạm y tế xã Nậm Chà	1436/31.10.14	6.600	6.600	2.900	
3	Trạm y tế xã Nậm Ban	1435/31.10.14	7.500	7.500	1.850	
<i>(2)</i>	<i>Các dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020</i>				<i>8.500</i>	
<i>a</i>	<i>Các dự án khởi công mới năm 2016</i>					
<i>b</i>	<i>Các dự án khởi công mới giai đoạn 2017-2020</i>				<i>8.500</i>	
IX	Số còn lại				7.200	
<i>(1)</i>	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành giai đoạn 2016-2020</i>				<i>2.000</i>	
	Trạm y tế xã Nậm Ban				2.000	
<i>(2)</i>	<i>Các dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020</i>				<i>4.000</i>	
<i>a</i>	<i>Các dự án khởi công mới năm 2016</i>					
<i>b</i>	<i>Các dự án khởi công mới giai đoạn 2017-2020</i>				<i>4.000</i>	
C	Thu sử dụng đất				508.690	

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2017-2020

(Kèm theo Nghị quyết số: 20 /2019/NQ-HĐND ngày 23 /7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2016-2020	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó NSDP		
	TỔNG SỐ (A+B)		2.667.378	972.799	1.149.207	
A	Trung ương cân đối theo thời kỳ ổn định		2.559.224	864.645	1.065.815	
I	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo		397.010	314.510	263.830	
a	Khởi công mới 2017		277.050	204.550	170.284	
1	Trường THCS xã Phúc Than huyện Than Uyên	97/28.10.16	8.000	8.000	7.200	
2	Trường THCS số 1 Mường Kim (điểm bản Ngã Ba) huyện Than Uyên	98/28.10.16	5.600	5.600	5.040	
3	Trường PTDTBT Tiểu học xã Nậm Cắn huyện Tân Uyên	99/28.10.16	14.950	14.950	14.255	
4	Trường Mầm non xã Hồ Mít huyện Tân Uyên	100/28.10.16	8.000	8.000	7.200	
5	Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non xã Bản Bo, huyện Tam Đường	101/28.10.16	7.500	7.500	6.250	
6	Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non xã Giang Ma, huyện Tam Đường	102/28.10.16	8.000	8.000	2.965	Lồng ghép XSKT
7	Trường mầm non Nậm Loỏng Thành phố Lai Châu	103/28.10.16	14.500	14.500	13.550	
8	Trường Mầm non Đông Phong Thành phố Lai Châu	104/28.10.16	15.500	15.500	11.054	Lồng ghép XSKT
9	Trường PTDTBT THCS xã Nậm Xe, huyện Phong Thổ	105/28.10.16	8.000	8.000	7.200	
10	Trường PTDT BT THCS xã Đào San huyện Phong Thổ	106/28.10.16	10.000	10.000	9.000	
11	Nhà lớp học trường PTDTBT THCS xã Lùng Thàng huyện Sin Hồ	107/28.10.16	10.000	10.000	9.000	
12	Trường mầm non xã Nậm Hăn, huyện Sin Hồ	108/28.10.16	9.500	9.500	7.073	
13	Trường PTDT bán trú THCS xã Hua Bum, huyện Nậm Nhùn	109/28.10.16	15.500	15.500	13.950	
14	Trường Tiểu học số 1 xã Mù Cà huyện Mường Tè	110/28.10.16	6.000	6.000	5.400	
15	Trường Mầm non số 1 xã Tà Tổng huyện Mường Tè	111/28.10.16	12.000	12.000	10.800	
16	Nhà Hiệu bộ Trường Chính trị tỉnh Lai Châu	112/28.10.16	9.000	9.000	7.847	
17	Trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú tỉnh	146/31.10.16	45.000	22.500	22.500	
18	Trường phổ thông DTNT huyện Nậm Nhùn	148/31.10.16	70.000	20.000	10.000	Lồng ghép vốn EVN
b	Khởi công mới 2018 - 2020		119.960	109.960	93.546	



TT	Dan h mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2016-2020	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó NSDP		
1	Trường PTDTBT TH Bản Hon huyện Tam Đường	1294/27.10.17	10.000	10.000	9.000	
2	Trường PTDTBT Tiểu học xã Tà Mung huyện Than Uyên	1295/27.10.17	25.000	25.000	22.500	
3	Trường Tiểu học Tà Hừ xã Hồ Mít, điểm trường Mít Nội huyện Tân Uyên	1296/27.10.17	14.980	14.980	13.482	
4	Trường THCS Quyết Tiến thành phố Lai Châu	1299/27.10.17	22.000	12.000	10.800	
5	Trường PTDTBTTHCS Pa Vây Sứ huyện Phong Thổ	1297/27.10.17	21.000	21.000	13.482	
6	Trường Tiểu học Tủa Sín Chải huyện Sin Hồ	1298/27.10.17	12.000	12.000	10.800	
7	Trường Mầm non số 2 Tà Tổng, xã Tà Tổng, huyện Mường Tè	1300/27.10.17	14.980	14.980	13.482	
II	Lĩnh vực Khoa học - Công nghệ		34.300	34.300	31.320	
1	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc các đơn vị trực thuộc sở KHCN	1317a/26.10.2018	4.500	4.500	4.500	
2	Đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác QLNN về tiêu chuẩn đo lường chất lượng cho các huyện, TP trên địa bàn	1335/30.10.2018	29.800	29.800	26.820	
III	Các dự án khác do tỉnh quản lý		2.127.914	515.835	770.665	
<i>a</i>	<i>Khởi công năm 2017</i>		402.441	340.821	315.855	
1	Nâng cấp Báo điện tử tỉnh Lai Châu	127/28.10.16	2.196	2.196	1.976	
2	Đường giao thông đến điểm ĐCĐC Pà Khà xã Tà Tổng huyện Mường Tè	124/28.10.16	3.500	3.500	3.150	
3	Trạm y tế xã Mường Than huyện Than Uyên	113/28.10.16	4.000	4.000	3.600	
4	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm y tế huyện Nậm Nhùn	114/28.10.16	5.500	5.500	5.455	
5	Trụ sở Thị Trấn huyện Mường Tè	123/28.10.16	5.800	5.800	5.220	
6	Nhà công vụ tỉnh Lai Châu	125/28.10.16	14.900	14.900	7.769	
7	Trụ sở làm việc ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	126/28.10.16	14.900	14.900	13.410	
8	Cầu treo nối bản Nà Cà xã Bình Lư và bản Nà Tăm 2 xã Nà Tăm huyện Tam Đường	117/28.10.16	9.500	9.500	8.550	
9	Đường Giao thông bản Pá Chí Tấu đi Hua Chít xã Tà Hừa huyện Than Uyên	115/28.10.16	10.000	10.000	9.000	
10	Cơ sở làm việc Đồn Công an Nậm Ngà, thuộc Công An huyện Mường Tè	128/28.10.16	10.000	10.000	9.000	
11	Cầu Bê tông bản Nà Cúng xã Bản Lang huyện Phong Thổ	118/28.10.16	13.000	13.000	11.700	
12	Đường giao thông vào bản Tà Cu Tỷ xã Giang Ma huyện Tam Đường	116/28.10.16	14.500	14.500	14.500	
13	Ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng tỉnh Lai Châu	129/28.10.16	17.280	17.280	15.580	
14	Đường Nậm Khăm - Háng Lìa 2 - Háng Lìa 1 huyện Sin Hồ	120/28.10.16	30.000	10.000	9.000	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2016-2020	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó NSDP		
15	Tuyến giao thông đến điểm ĐCĐC Mù Su xã Mù Cả huyện Mường Tè	122/28.10.16	18.000	18.000	16.200	
16	Đường Lũng Thàng - Nậm Lúc 1 - Nậm Lúc 2 huyện Sin Hồ	119/28.10.16	20.000	20.000	18.000	
17	Đường liên xã Sùng Phải - Thèn Sin huyện Tam Đường	130/28.10.16	25.000	25.000	22.500	
18	Đường GTNT đến bản mới chia tách Nậm Tàng, Nậm Cười huyện Nậm Nhùn	121/28.10.16	30.000	15.000	13.500	Lồng ghép vốn 30a
19	Đường Nà Ngò - Hua Ngò - Nà Lào xã nậm Sỏ huyện Tân Uyên	131/28.10.16	35.000	20.000	20.000	Lồng ghép vốn 30a
20	Hỗ trợ đầu tư hệ thống đường nội đồng sản xuất trong vùng chè		119.365	107.745	107.745	Hàng năm bổ sung ngân sách huyện
20.1	<i>Huyện Tam Đường</i>		19.760	17.740	17.740	
-	GTND tiểu vùng Bản Bo - Sơn Bình - Nà Tăm	150/31.10.2016	17.260	15.490		
-	GTND tiểu vùng Tam Đường		2.500	2.250		
20.2	<i>Huyện Tân Uyên</i>		36.255	32.630	32.630	
-	GTND tiểu vùng trung tâm	1301/27.10.2017	9.045	8.141		
-	GTND tiểu vùng Phúc Khoa - Mường Khoa	149/31.10.2016	12.710	11.439		
-	GTND tiểu vùng Pắc Ta	1302/27.10.2017	14.500	13.050		
20.3	<i>Huyện Than Uyên</i>		27.500	24.750	24.750	
-	GTND tiểu vùng Phúc Than	1303/27.10.2017	13.500	12.150		
-	GTND tiểu vùng Tà Mung	151/31.10.2016	14.000	12.600		
20.4	<i>Huyện Sin Hồ</i>		24.750	22.275	22.275	
-	GTND tiểu vùng Phìn Hồ-Hồng Thu	148/31.10.2016	9.250	8.325		
-	GTND tiểu vùng Xà Dề Phìn	1179a/31.10.2017	5.500	4.950		
-	GTND tiểu vùng Tà Ngảo	1305/27.10.2017	10.000	9.000		
20.5	<i>Huyện Phong Thổ</i>		3.600	3.600	3.600	
-	GTND tiểu vùng Lán Nhi Thàng, huyện Phong Thổ		3.600	3.600		
20.6	<i>Thành phố Lai Châu</i>		7.500	6.750	6.750	
-	GTND vùng chè Thành phố Lai Châu		7.500	6.750		
b	Các dự án đối ứng ODA, đối ứng NSTW và đối ứng các dự án sử dụng nguồn vốn khác KCM trong giai đoạn 2016-2020 cần đối ứng bằng NSDP UBND tỉnh đã có cam kết		174.000	20.700	20.700	
1	Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả vay vốn ngân hàng thế giới		147.000	14.700	14.700	
2	Nhà thi đấu TDTT Liên đoàn lao động tỉnh Lai Châu	1718/QĐ-TLĐ ngày 25.10.16	25.000	4.000	4.000	
3	Chi phí GPMB thực hiện dự án xử lý điểm đen tại Km38+500/QL.4D tỉnh Lai Châu		2.000	2.000	2.000	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2016-2020	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó NSDP		
c	Các dự án dự kiến sử dụng nguồn ngân sách trung ương nhưng không cần đối được vốn dự kiến sử dụng nguồn NSDP để khởi công mới		1.391.000	-	337.361	Lồng ghép thực hiện với nguồn NSTW và các nguồn vốn khác
1	Trụ sở làm việc Huyện ủy, HĐND, UBND, trung tâm hội nghị văn hóa huyện Nậm Nhùn	139/31.10.16	120.000		11.821	
2	Đường quảng trường và Hạ tầng kỹ thuật khu giáo dục, y tế, thương mại - dịch vụ và dân cư thị trấn Nậm Nhùn (giai đoạn II), huyện Nậm Nhùn	141/31.10.16	200.000		84.606	
3	Tuyến kè chống xói, lở bảo vệ bờ sông biên giới khu vực mốc 18(2) đến mốc 19, xã Ka Lăng, huyện Mường Tè	142/31.10.16	150.000		17.732	
4	Nâng cấp Đường Nậm Xe - Sín Suối Hồ, huyện Phong Thổ	134/31.10.16	100.000		23.450	
5	Đường TT xã Hố Mít - Suối Lính A- Bản Lầu - Bản Thào A - Thào B - K2, Tân Uyên	136/31.10.16	100.000		23.450	
6	Nâng cấp đường QL32 - Tre Bó - Sang Ngà - Bản Mường huyện Than Uyên	137/31.10.16	80.000		28.130	
7	Hạ tầng thiết yếu của các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung	143/31.10.16	65.000		15.600	
8	Hệ thống thoát nước thành phố Lai Châu	135/31.10.16	90.000		32.820	
9	Đường Hồ Thầu - Bình Lư huyện Tam Đường	138/31.10.16	115.000		32.820	
10	Đường Tả Phìn - Xà Dề Phìn; Nâng cấp đường Nậm Cuối - Hua Cuối - Nậm Cọ Mông huyện Sìn Hồ	140/31.10.16	100.000		13.792	
11	Hạ tầng khu du lịch cao nguyên Sìn Hồ (giai đoạn I), huyện Sìn Hồ	145/31.10.16	90.000		28.130	
12	Hạ tầng khu Khu kinh tế Cửa khẩu Ma Lù Thàng huyện Phong Thổ	144/31.10.16	81.000		3.940	
13	Đường từ đồn, trạm biên phòng ra mốc quốc giới phục vụ cho việc tuần tra bảo vệ mốc, huyện Phong Thổ	147/31.10.16	100.000		21.070	
d	Các dự án thực hiện các Đề án, chương trình, dự án khác KCM giai đoạn 2018-2020		160.473	154.314	96.749	
*	Đã khởi công năm 2018		78.883	73.883	58.239	
1	Nhà tạm giữ công an huyện Mường Tè	1306/27.10.17	18.000	13.000	11.700	
2	Nhà ở tập huấn cho cán bộ, chiến sỹ dân quân tự vệ, dự bị động viên	1307/27.10.17	12.000	12.000	10.800	
3	Công trình phòng thủ tỉnh Lai Châu	99/27.10.17	48.883	48.883	35.739	
*	Đã khởi công năm 2019		24.995	24.995	22.496	
1	Trụ sở Đồn công an Trung Chải huyện Nậm Nhùn	1331a/31.10.2018	6.000	6.000	5.400	

TT	Dan h mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2016-2020	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó NSDP		
2	Trụ sở công an Phường Đông phong TP Lai Châu	1324a/29.10.2018	4.000	4.000	3.600	
3	Đầu tư xây dựng, nâng cấp 5 trụ sở Đồn Biên phòng và các trạm, tổ công tác Biên phòng		14.995	14.995	13.496	
*	Còn lại dự kiến KCM 2020		56.595	55.436	16.014	
1	Hỗ trợ đầu tư hệ thống đường nội đồng sản xuất trong vùng lúa		11.595	10.436	10.436	Bổ sung cân đối ngân sách huyện
a	<i>Huyện Tam Đường</i>		2.760	2.484	2.484	
-	Giao thông nội đồng vùng sản xuất lúa xã Bình Lư		1.110	999		
-	Giao thông nội đồng vùng sản xuất lúa xã Bản Bo		1.650	1.485		
b	<i>Huyện Than Uyên</i>		3.735	3.362	3.362	
-	Giao thông nội đồng vùng sản xuất lúa xã Mường Than		3.165	2.849		
-	Giao thông nội đồng vùng sản xuất lúa xã Mường Cang		570	513		
c	<i>Huyện Tân Uyên</i>		5.100	4.590	4.590	
-	Giao thông nội đồng vùng sản xuất lúa xã Mường Khoa		3.100	2.790		
-	Giao thông nội đồng vùng sản xuất lúa xã Phúc Khoa huyện Tân Uyên		2.000	1.800		
2	Trụ sở công an phường Quyết Tiến TP Lai Châu		5.000	5.000		
3	Xây dựng dự án doanh trại Trung đoàn 880 (giai đoạn II)		25.000	25.000	5.578	Phân bổ chi tiết khi giao kế hoạch năm 2020
4	Trường quân sự địa phương (giai đoạn IV)		15.000	15.000		
B	Thu xố số kiến thiết		108.154	108.154	83.392	
1	Trạm y tế thị trấn Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ	132/28.10.16	5.500	5.500	4.950	
2	Tu sửa, nâng cấp các trạm y tế xã huyện Mường Tè	133/28.10.16	3.500	3.500	3.150	
3	Trường PTDT bán trú tiểu học số 2 xã Phúc Than (điểm trung tâm) huyện Than Uyên	96/28.10.16	5.500	5.500	4.950	
4	Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non xã Giang Ma, huyện Tam Đường	102/28.10.16	8.000	8.000	4.235	Lồng ghép nguồn CĐNSDP theo tiêu chí định mức
5	Trường Mầm non Đông Phong Thành phố Lai Châu	104/28.10.16	15.500	15.500	2.896	Lồng ghép nguồn CĐNSDP theo tiêu chí định mức
6	Trường Mầm non Hoa Sen (phân hiệu 2)	1308/27.10.17	11.660	11.660	10.500	
7	Tu sửa, nâng cấp các trạm y tế xã huyện Tam Đường	1323/29.10.18	6.667	6.667	6.000	
8	Trường Tiểu học Kim đồng xã Bản Lang Huyện Phong Thổ	1307/27.10.17	10.000	10.000	9.000	
9	Trạm Y tế xã Pa Tần huyện Sìn Hồ	1310/27.10.17	6.500	6.500	5.850	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2016-2020	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó NSĐP		
10	Tu sửa các trường mầm non huyện Mường Tè	1311/27.10.17	9.800	9.800	8.850	
11	Tu sửa, nâng cấp các trạm y tế xã huyện Than Uyên	1312/27.10.17	7.200	7.200	6.510	
12	Trạm y tế thị trấn Tân Uyên	1334/30.10.2018	6.667	6.667	6.000	
13	Trường mầm non thị trấn Nậm Nhùn (Điểm trường trung tâm)	1313/27.10.17	11.660	11.660	10.500	